

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-PT

Ngày 03/8/2021

*“V/vTranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:* - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Bà Hoàng Thị Hải Hương.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLPT-HNGĐ ngày 27/4/2021, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 13/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐ-PT ngày 25/5/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 221/2021/TB-ST ngày 21/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ-PT ngày 22/7/2021, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Công Mùi, sinh năm 1979. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Mùi:

- Ông Hoàng Văn Cường – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Đình Huân thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

***2. Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Cả, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***\* Người đại diện theo pháp luật của chị Thúy:***

- Ông Nguyễn Văn Lương, sinh năm 1955 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Sắc, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Đều cư trú: thôn Cả, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Ông Nguyễn Văn Lợi, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên do ông Nguyễn Hải Hưng – Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên đại diện theo ủy quyền (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Bà Dương Thị Tường, sinh năm 1961. (vắng mặt).

Bà Dương Thị Tường do ông Nguyễn Văn Lợi, sinh năm 1958 đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Ngọc Sơn, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Anh Nguyễn Công Quý, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ dân phố Vĩnh Thịnh, thị trấn Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

\* *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Lý- là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Công Mùi trình bày:*

Anh và chị Thúy kết hôn tháng 12 năm 2003, anh chị có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị Thúy về làm dâu nhà anh, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ anh được khoảng 1 năm đến năm 2004 vợ chồng ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2018, do chị Thúy và mẹ anh phát sinh mâu thuẫn nên chị Thúy đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018. Từ khi chị Thúy về nhà bố mẹ đẻ chị Thúy, anh có bảo chị Thúy về vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Thúy không về, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thúy.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Công Phong, sinh ngày 02/4/2005 và Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 14/7/2013. Cháu Phong đang học trên Vĩnh Phúc còn cháu Anh đang ở với anh. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản ruộng canh tác: vợ chồng anh không có tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Công Mùi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về nghĩa vụ chung của vợ chồng: gồm có khoản nợ của ông Nguyễn Văn Lợi số tiền vay 20.000.000 đồng; nợ anh Nguyễn Công Quý số tiền 110.000.000 đồng; nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên số tiền là 50.000.000 đồng. Anh và chị Thúy có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Về con chung: anh đề nghị xin nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu chị Thúy phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chị Thúy xin nuôi con chung anh cũng đồng ý để chị Thúy nuôi dưỡng một con chung.

Tại phiên toà anh Mùi có mặt giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy.

Về con chung: vợ chồng ly hôn anh xin nuôi cháu Phong còn để chị Thúy nuôi dưỡng cháu Anh. Anh và chị Thúy không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: anh đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ của ông Lợi số tiền 20.000.000 đồng và số tiền nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên vợ chồng anh vay năm 2016 là 45.000.000 đồng đến năm 2020 anh đã thanh toán cho ngân hàng chính sách. Anh và chị Thúy có trách nhiệm chung đối với tiền nợ của ông Lợi và Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên. Anh yêu cầu chị Thúy phải hoàn trả cho anh  $\frac{1}{2}$  số tiền mà anh đã trả cho ngân hàng chính sách. Đối với số tiền nợ của anh Quý và số tiền 50.000.000 đồng vay của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên tháng 5 năm 2020 đến nay anh Quý không yêu cầu trả số tiền vợ chồng anh còn nợ và đại diện của ngân hàng đã rút yêu cầu nên anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 10/9/2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy trình bày:* chị và anh Mùi kết hôn tháng 12 năm 2003, anh chị có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng gia đình, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Mùi không còn tình cảm với chị, anh Mùi có người phụ nữ khác. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh Mùi làm đơn xin ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn với anh Mùi.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Công Phong, sinh ngày 02/4/2005 và Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 14/7/2013. Ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thúy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Anh, anh Mùi nuôi dưỡng cháu Phong. Chị và anh Mùi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Thúy yêu cầu anh Mùi, phải trích chia cho chị số tiền 40.000.000 đồng. Chị Thúy cho rằng trong thời ở chung cùng gia đình thì vợ chồng chị sửa chữa nhà cấp bốn 4 gian; xây toàn bộ công trình phụ, nhà ăn, nhà tắm, bếp, nhà ngang, nát sân, xây tường rào, xây bờ ao trên diện tích đất của bố mẹ chồng chị.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/01/2021 và các buổi làm việc tiếp theo, chị Thúy xác định trong thời gian chị ở gia đình nhà anh Mùi vợ chồng đã đóng góp để xây dựng các công trình nhà 02 gian 1 tầng; làm nhà vệ sinh, bếp, xây 2 trụ cổng, xây tường rào, lát sân. Đối với các tài sản khác chị không có yêu cầu gì. Chị yêu cầu bà Lý phải trích chia cho chị số tiền là 30.000.000 đồng đã đóng góp công sức tu tạo, xây dựng các công trình trên diện tích đất của bà Lý trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: chị Thúy xác nhận vợ chồng không nợ ai, đối với khoản nợ của ông Lợi, anh Quý và phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên chị không vay, không biết và cũng không được chi tiêu các khoản tiền trên. Anh Mùi là người vay tiền và quản lý kinh tế gia đình nên anh Mùi phải có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Thúy có mặt đồng ý ly hôn với anh Mùi.

Về con chung: chị nuôi dưỡng cháu Anh, anh Mùi nuôi dưỡng cháu Phong. Chị và anh Mùi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: chị Thúy xác định trong thời gian chị ở gia đình nhà anh Mùi chị đã đóng góp công sức để xây dựng các công trình nhà 02 gian 1 tầng, làm nhà vệ sinh, bếp, xây 2 trụ cổng, xây tường rào, lát sân trên diện tích đất của bà Lý. Chị yêu cầu bà Lý phải trích chia cho chị số tiền là 30.000.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: chị Thúy không đồng ý trả khoản nợ của ông Lợi, anh Quý và phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên. Anh Mùi phải có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

\* Người đại diện theo pháp luật của chị Thúy là ông Lương, bà Sắc trong quá trình giải quyết vụ án nhất trí với ý kiến của chị Thúy.

Tại phiên tòa, ông Lương vắng mặt, bà Sắc có mặt nhất trí với ý kiến của chị Thúy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của chị Thúy theo quy định của pháp luật.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm có:

- Ông Nguyễn Văn Lợi trình bày: ngày 27/01/2019, anh Nguyễn Công Mùi có lên nhà ông hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý, ông yêu cầu phải có mẹ anh Mùi hoặc vợ anh Mùi đi cùng thì ông mới đồng ý cho anh Mùi vay tiền. Tại thời điểm anh Mùi vay tiền của ông, vợ chồng anh Mùi đang làm ăn ở Vĩnh Phúc nên chị Thúy không có nhà, anh Mùi đã bảo bà Lý là mẹ của anh Mùi đi cùng và ông đã đồng ý cho anh Mùi vay số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc. Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, nội dung giấy biên nhận vay tiền do ông là người viết, có chữ ký của anh Mùi và bà Lý ở phần người vay tiền ký, thời hạn vay là 3 tháng. Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất là bao nhiêu nhưng thực tế ông và anh Mùi có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ tháng. Khi vay tiền anh Mùi có nói vay tiền mục đích để làm ăn ở Vĩnh Phúc. Ông đã giao số tiền vay cho anh Mùi có sự chứng kiến của bà Lý. Sau khi ông cho anh Mùi vay tiền cho đến nay ông chưa lần nào nói với chị Thúy về việc anh Mùi vay tiền của ông. Anh Mùi chưa trả ông

được số tiền gốc và tiền lãi. Đến nay ông yêu cầu anh Mùi phải trả ông số tiền gốc 20.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả tiền lãi. Ông không yêu cầu bà Lý, chị Thúy phải trả ông số tiền 20.000.000 đồng anh Mùi đã vay ông vì là Lý chị chúng kiến việc vay tiền, chị Thúy không ký vào giấy biên nhận tiền.

- Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên do ông Nguyễn Hải Hưng trình bày:

Ngày 15/6/2016 ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên cho anh Mùi vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất là 0,55% tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Số tiền vay trả theo kỳ là 12 tháng/ lần với số tiền của một kỳ là 11.250.000 đồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 15/5/2020, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 15 hàng tháng. Tại sổ vay vốn có cả chữ ký của chị Thúy là vợ anh Mùi. Đến ngày 14/5/2020 anh Nguyễn Công Mùi đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi của khoản vay vào ngày 15/6/2016 là 45.244.110 đồng trong đó có 45.000.000 đồng tiền gốc và 244.110 đồng tiền lãi.

Ngày 14/5/2020 ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên cho anh Mùi vay số tiền 50.000.000 đồng với kỳ hạn vay là 48 tháng, lãi suất là 6,6%/ năm, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Số tiền anh Mùi vay trả theo kỳ là 12 tháng / lần với số tiền của một kỳ là 12.500.000 đồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 14/5/2024, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Tại sổ vay vốn không có chữ ký của chị Thúy và trong hồ sơ thể hiện tại thời điểm anh Mùi làm đơn vay vốn ngân hàng thì vợ chồng anh Mùi, chị Thúy đang ly thân. Đến nay ngân hàng yêu cầu anh Mùi phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi khi đến hạn.

Ngày 17/3/2021 ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên có đơn xin rút yêu cầu độc lập

*\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm có:*

- Bà Nguyễn Thị Lý trình bày tại bản tự khai ngày 20/12/2019 và các lời khai tiếp theo như sau: năm 2003 anh Nguyễn Công Mùi con trai bà kết hôn với chị Thúy, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiệp. Sau kết hôn chị Thúy về làm dâu nhà bà. Vợ chồng anh Mùi sống chung được khoảng 2 đến 3 tháng thì bà cho vợ chồng Thúy Mùi ở riêng trong buồng của gia đình bà. Khi ra ở riêng bà cho 03 con lợn, cho 5 tạ thóc và 01 chiếc xe máy trị giá khoảng 5.500.000 đồng và mua đồ làm mộc gồm máy móc, gỗ các vật dụng làm mộc trị giá khoảng 20.000.000. Vợ chồng anh Mùi ăn riêng, kinh tế riêng không liên quan gì đến kinh tế của gia đình bà.

Quá trình vợ chồng Thúy Mùi sống chung trên đất thì chị Thúy không có đóng góp gì vào sự phát triển của kinh tế gia đình bà. Khi sửa chữa nhà cấp bốn 4 gian, xây nhà mái bằng một gian, nhà tắm, bếp, lát sân, xây tường rào, làm mái tôn, ... do bà nhờ các con cháu làm giúp và thuê thợ làm. Toàn bộ nguyên vật liệu sửa chữa nhà và xây dựng các công trình trên là do bà bỏ tiền ra mua. Anh Mùi, chị Thúy không có công sức đóng góp gì vào sự phát triển tài sản chung của gia đình

bà. Đến nay chị Thúy yêu cầu bà phải trích cho số tiền 30.000.000 đồng bà không đồng ý.

- Anh Nguyễn Công Quý trình bày tại bản tự khai ngày 10/8/2020 và ngày 21/8/2020 như sau: năm 2016, anh có mở gara sửa chữa ô tô tại thị trấn Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Do anh Mùi không có công việc ổn định nên anh đã bỏ vốn 120.000.000 đồng để mua dụng cụ, máy móc và 50.000.000 đồng để mua phụ tùng, phụ kiện. Khi anh mua đồ về thì anh Mùi, chị Thúy đều biết do là anh em trong nhà nên không ghi giấy nợ. Đến năm 2019 do tình hình kinh doanh không có khả quan nên anh đã lấy lại đồ và trừ nợ còn lại anh Mùi nợ anh 110.000.000 đồng bao gồm cả số nợ anh trả anh Huy là 34.000.000 đồng và trả công ty xây lắp Hưng Thịnh Phát 45.000.000 đồng thay cho anh Mùi. Số tiền anh cho vay là tài sản riêng của anh không liên quan gì đến vợ anh là Vũ Thị Hồng Việt.

Tại phiên tòa anh Quý có mặt không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền anh Mùi còn nợ 110.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai ngày 21/8/2020 chị Vũ Thị Hồng Việt trình bày:* số tiền chồng chị là anh Nguyễn Công Quý cho anh Nguyễn Công Mùi vay là tiền riêng của chồng chị không liên quan gì đến chị.

- Bà Dương Thị Tường trình bày tại bản tự khai ngày 3/3/2020 như sau: năm 2018 anh Mùi có đến nhà bà hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng anh Mùi phải trả bà số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, bà không yêu cầu trả tiền lãi. Do điều kiện công việc bà Tường ủy quyền cho ông Lợi tham gia giải quyết vụ án từ ban đầu cho đến khi kết thúc vụ án.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 10/2021/HNGĐ-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 55; Điều 60; Điều 61; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Công Mùi và chị Nguyễn Thị Thúy.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Thúy nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 14/7/2013. Anh Nguyễn Công Mùi nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Công Phong, sinh ngày 02/4/2005. Anh Mùi, chị Thúy không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn anh Mùi, chị Thúy có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Mùi, chị Thúy thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu trích chia công sức:

Bà Nguyễn Thị Lý phải trích chia công sức cho chị Nguyễn Thị Thúy số tiền 20.000.000 đồng. Chị Thúy được nhận số tiền 20.000.000 đồng do bà Lý trích chia công sức.

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên yêu cầu anh Nguyễn Công Mùi trả số tiền vay 50.000.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu của anh Mùi đối với yêu cầu giải quyết số tiền nợ anh Nguyễn Công Quý 110.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Công Mùi phải trả cho ông Nguyễn Văn Lợi, bà Dương Thị Tường số tiền vay 20.000.000 đồng.
- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Công Mùi yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy phải hoàn trả  $\frac{1}{2}$  số tiền 45.000.000 đồng anh đã trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/3/2021, bà Nguyễn Thị Lý là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, bác yêu cầu của chị Thúy về việc yêu cầu bà phải trích chia công sức đóng góp trong thời gian sống chung với gia đình bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn là anh Mùi không rút đơn khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lý không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lý trình bày: Bà không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm về phần trích chia công sức, buộc bà phải trích chia công sức cho chị Thúy số tiền 20.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản là do bà xây dựng, chị Thúy, anh Mùi không có công sức đóng góp vào tạo lập, duy trì phát triển khối tài sản chung của gia đình bà, do chị Thúy ở được 04 tháng đã ra ở riêng, kinh tế riêng.

- Nguyên đơn là anh Nguyễn Công Mùi trình bày: Anh nhất trí với trình bày của bà Lý, không đồng ý trích chia công sức cho chị Thúy.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy trình bày: Chị không đồng ý với kháng cáo của bà Lý, chị xác định trong thời gian chung sống với gia đình chồng chị đã có công sức đóng góp trong việc tu tạo, xây dựng các công trình trên diện tích đất của bà Lý. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của bà Lý, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Lý được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thúy vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Văn Lợi, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Yên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Tường, anh Nguyễn Công Quý đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lý về việc không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên buộc bà phải trích chia công sức cho chị Thúy số tiền 20.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Thúy cho rằng trong thời gian chung sống cùng anh Mùi, chị có đóng góp công sức như nấu cơm, phụ vữa và dọn dẹp cho thợ xây dựng tài sản trên diện tích đất của bà Lý gồm có: nhà 02 gian 1 tầng, nhà vệ sinh, bếp, xây 2 trụ cổng, xây tường rào, lát sân. Đối với các tài sản khác chị không có yêu cầu gì. Tổng giá trị tài sản chị Thúy yêu cầu chia được định giá bao gồm: nhà mái bằng (02 gian 1tầng) không có tiện nghi công trình khép kín là: 69.594.000 đồng; Nhà vệ sinh độc lập loại A là: 4.705.000 đồng; Bếp loại C là: 5.683.000 đồng; Sân gạch men là: 13.500.000 đồng; Trụ cổng là: 441.000 đồng; Tường bao xây gạch là: 5.694.000 đồng; Đoạn tường chát là: 2.326.000 đồng. Tổng cộng giá trị các tài sản là: 101.943.000 đồng. Chị Thúy yêu cầu bà Lý phải trích chia cho chị số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Lý cho rằng trong thời gian vợ chồng anh Mùi, chị Thúy ở trên diện tích đất của bà thì toàn bộ tài sản làm trên diện tích đất do bà bỏ tiền và anh Quý (là con trai bà) là người đưa tiền cho bà để xây dựng, sửa chữa công trình có như hiện nay. Khi bà sửa chữa nhà nhà cấp 4 bốn gian, xây nhà mái bằng 2 gian, làm nhà vệ sinh, nhà bếp, lát sân, xây tường, làm cánh cổng.... bà là người trực tiếp mua nguyên vật liệu và thuê thợ sửa chữa, xây dựng và con cháu đến làm giúp. Tại thời điểm bà xây dựng, sửa chữa công trình trên thì chị Thúy và anh Mùi không đưa tiền cho bà để xây dựng các công trình. Anh Mùi có phụ giúp cùng làm với thợ còn chị Thúy chỉ ở nhà nấu cơm thợ, dọn dẹp. Đến nay, chị Thúy yêu cầu bà phải trích chia cho chị 30.000.000đồng, bà không đồng ý.



Anh Mùi xác định vợ chồng không có tài sản chung. Đối với các công trình trên diện tích đất là của mẹ anh xây dựng, vợ chồng anh không xây dựng, tu tạo gì trên diện tích đất. Anh không yêu cầu bà Lý phải trích chia công sức cho anh. Hội đồng xét xử thấy: Nhà mái bằng (02 gian 1 tầng) không có tiện nghi công trình khép kín; Nhà vệ sinh độc lập loại A; Bếp loại C; Sân gạch men; Trụ cổng; Tường bao xây gạch và các tài sản khác trên diện tích đất là do bà Lý là người trực tiếp bỏ tiền để xây dựng.

Tuy nhiên, các bên đều xác nhận khi sửa chữa và xây dựng các công trình trên cụ thể là Nhà mái bằng (02 gian 1 tầng) không có tiện nghi công trình khép kín; Nhà vệ sinh độc lập loại A; Bếp loại C; Sân gạch men; Trụ cổng; Tường bao xây gạch thì anh Mùi và chị Thúy ở cùng trên diện tích đất của gia đình có đóng góp công sức trong việc tu tạo, sửa chữa, xây dựng. Chị Thúy có tham gia phụ giúp nấu cơm cho thợ, dọn dẹp và phụ vữa để thợ xây dựng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lý trích chia cho chị Thúy trong việc đóng góp công sức, tu tạo, xây dựng các công trình nêu trên số tiền là 20.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

Do anh Mùi không yêu cầu bà Lý phải trích chia công sức nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm bà Lý không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lý.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lý, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lý được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lý. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 55; Điều 60; Điều 61; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về yêu cầu trích chia công sức:

Buộc bà Nguyễn Thị Lý phải trích chia công sức cho chị Nguyễn Thị Thúy số tiền 20.000.000 đồng. Chị Thúy được nhận số tiền 20.000.000 đồng do bà Lý trích chia công sức.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lý được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện Tân Yên;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Hoàng Thị Hải Hương**

**Trần Thị Hà**

